

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ công văn số 1282/BTC-HCSN ngày 04/02/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021; công văn số 1410/BTC-HCSN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020; công văn số 3201/BTC-HCSN ngày 30/03/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020; công văn số 4031/BTC-HCSN ngày 19/4/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021 (lần 2);

Xét đề nghị của Ban Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021 (bao gồm dự toán bổ sung trong năm 2021) của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT ĐCT (để báo cáo);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu VT, KHTC.



Hà Thị Nga

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG 112

MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH: 1059355

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: ~~5943~~ ⁵⁹⁴³ /QĐ-ĐCT ngày 26/4/2021 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	DỰ TOÁN THU	1,000	1,000								1,000	
1	Số thu phí, lệ phí	1,000	1,000								1,000	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	1,000	1,000								1,000	
2	Số thu nộp NSNN	100	100								100	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	100	100								100	
3	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	900	900								900	
	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	900	900								900	
	- Chi thường xuyên	900	900								900	
	- Chi không thường xuyên	0	0								0	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	102,850	102,850	62,060	2,500	14,421	4,820	8,350	1,100	2,700	6,900	
I	Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	20,900	20,900	2,360	0	14,021	4,520	0	0	0	0	
1	Kinh phí thường xuyên	6,870	6,870	0	0	5,000	1,870	0	0	0	0	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092) Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 20 triệu đồng	1,870	1,870				1,870					
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081) Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 60 triệu đồng	5,000	5,000			5,000						
2	Kinh phí không thường xuyên	14,030	14,030	2,360	0	9,021	2,650	0	0	0	0	
2.1	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092)	2,650	2,650	0		0	2,650	0		0	0	
	<i>Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ</i>	2,650	2,650				2,650					
2.2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081)	5,661	5,661	0	0	5,661	0	0	0	0	0	
	<i>Kinh phí hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg</i>	1,351	1,351			1,351						
	<i>Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ</i>	2,541	2,541			2,541						

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bỏ	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Kinh phí hỗ trợ học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013					22						
	Kinh phí trợ cấp xã hội đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001					7						
	Kinh phí sửa chữa tòa nhà 15 tầng và tòa nhà 3 tầng tại Học viện phụ nữ Việt Nam	1,590	1,590			1,590						
	Kinh phí bảo trì, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam	150	150			150						
2.3	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085)	560	560	560			0					
2.4	Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083)	360	360			360						

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỞNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
2.5	- Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025” (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083)	4,800	4,800	1,800		3,000						
II	Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103)	2,710	2,710	2,710		0	0	0		0	0	
1	Kinh phí cho các hoạt động khoa học công nghệ khác (Chi thông tin, hội thảo, đoàn ra...)	1,000	1,000	1,000								
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (Đề tài cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở)	1,710	1,710	1,710								
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	14,540	14,540	2,440	0	0	0	4,900	900	0	6,300	
1	Kinh phí của Bảo tàng PNVN (Loại 160- Khoản 161)	5,500	5,500	0	0	0	0	0	0	0	5,500	
1.1	Kinh phí thường xuyên	4,000	4,000								4,000	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	1,500	1,500	0		0	0	0		0	1,500	
	Kinh phí hỗ trợ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác trưng bày, bảo quản hiện vật của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	775	775								775	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bỏ	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Kinh phí nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, hiện vật trưng bày "Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII"; nghiên cứu, sưu tầm tài liệu về mẹ Việt Nam anh hùng; nghiên cứu, sưu tầm tài liệu Những cô gái vàng của thể thao Việt Nam; nghiên cứu, xây dựng nội dung hoạt động giáo dục trên nền tảng công nghệ số, bảo quản chuyên sâu hiện vật kho	725	725								725	
2	Kinh phí không thường xuyên: Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171)	300	300						300			
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171)	5,500	5,500	1,200				2,900	600		800	
4	Kinh phí không thường xuyên: Kinh phí làm phim tài liệu về các nữ tù (Loại 160 - Khoản 161)	2,000	2,000	0				2,000				

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
5	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171)	1,240	1,240	1,240								
IV	Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278)	2,300	2,300	2,300	0	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2,300	2,300	2,300								
	Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho Hội viên; Truyền thông thay đổi hành vi về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và triển khai phong trào chống rác thải nhựa cho phụ nữ trên phạm vi cả nước	2,300	2,300	2,300								
V	Sự nghiệp kinh tế	450	450	450	0	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	450	450	450	0	0	0	0	0	0	0	
	Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338)	450	450	450		0						
VI	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Loại 340 - Khoản 361)	59,600	59,600	51,450	2,500	400	300	3,450	200	700	600	
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	38,290	38,290	36,190	2,100	0	0	0	0	0	0	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bỏ	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Kinh phí thực hiện chi lương, các khoản theo lương	28,240	28,240	26,690	1,550	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí chi quản lý hành chính theo định mức	9,000	9,000	8,500	500							
	Kinh phí cho các hoạt động đặc thù (chi thực hiện giám sát phân biện xã hội; Kinh phí chi đạo phong trào...)	1,050	1,050	1,000	50							
2	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	21,310	21,310	15,260	400	400	300	3,450	200	700	600	
2.1	Kinh phí Đề án	17,000	17,000	10,950	400	400	300	3,450	200	700	600	
	Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027"	5,000	5,000	3,950	150	0	0	300	0	300	300	
	Đề án 939 "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025"	10,000	10,000	7,000	250	400	300	1,150	200	400	300	
	- Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài"	2,000	2,000	0				2,000				
2.2	Kinh phí chuyên môn	4,310	4,310	4,310	0	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí mua 01 xe ô tô (xe 05 chỗ màu đen, loại xe Toyota Corolla Altis 1.8 E)	820	820	820	0	0	0	0	0	0	0	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bỏ	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
				VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105 9353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Kinh phí chi kỷ niệm chương, khen thưởng phong trào; Kinh phí hoạt động chuyên môn do các Ban phong trào làm đầu mối...	3,490	3,490	3,490								
VII	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	2,350	2,350	350	0	0	0	0	0	2,000	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2,350	2,350	350	0	0	0	0	0	2,000	0	
1	Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 (Loại 370 - Khoản 398)	350	350	350								
2	Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh (Loại 370 - Khoản 398)	2,000	2,000							2,000		
	KHO BẠC NHÀ NƯỚC NƠI GIAO DỊCH			Sở giao dịch KBNN, Mã số 0003	KBNN Quận 3 - TP HCM, Mã số 0112		KBNN Quận 9- TPHCM, Mã số 0131	KBNN Quận Hai Bà Trung Mã số: 0014	KBNN Quận Hai Bà Trung Mã số: 0014	KBNN Quận Tây Hồ, Mã số: 0021	KBNN Quận Hoàn Kiếm Mã số: 0013	

THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 5973/QĐ-ĐCT ngày 26/4/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam)

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Quyết định số 1966/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, công văn số 1282/BTC-HCSN ngày 04/02/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021, công văn số 1410/BTC-HCSN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020, công văn số 3201/BTC-HCSN ngày 30/03/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020, công văn số 4031/BTC-HCSN ngày 19/4/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021 (lần 2); Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành quyết định phân bổ dự toán NSNN năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

I. Dự toán thu năm 2021: 1.000 triệu đồng, đã giao cho Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, gồm:

- Phí thăm quan Bảo tàng: 1.000 triệu đồng
- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 100 triệu đồng
- Số chi từ nguồn thu được để lại: 900 triệu đồng (chi thường xuyên)

II. Dự toán chi thường xuyên được giao năm 2021 là: 102.850 triệu đồng, bao gồm dự toán được giao đầu năm 2021 là: 100.480 triệu đồng; dự toán được giao bổ sung năm 2021 là 2.370 triệu đồng. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành quyết định phân bổ dự toán NSNN năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc như sau:

1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề: 20.900 triệu đồng, gồm:

1.1. Kinh phí phân bổ cho Văn phòng TW Hội: 2.360 triệu đồng

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085): 560 triệu đồng

- Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025” (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 1.800 triệu đồng

1.2. Kinh phí phân bổ cho Học viện Phụ nữ Việt Nam: 14.021 triệu đồng

- Kinh phí thường xuyên (Loại 070 - Khoản 081): 5.000 triệu đồng (Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 60 triệu đồng);

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo ND 86/2015/ND-CP ngày

02/10/2015 của Chính phủ: 2.541 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg: 1.351 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013: 22 triệu đồng;

- Kinh phí trợ cấp xã hội đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001: 7 triệu đồng

- Kinh phí sửa chữa tòa nhà 15 tầng và tòa nhà 3 tầng tại Học viện phụ nữ Việt Nam: 1.590 triệu đồng;

- Kinh phí bảo trì, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam: 150 triệu đồng

- Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083): 360 triệu đồng;

- Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 3.000 triệu đồng

1.3. Kinh phí phân bổ cho Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 4.520 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thường xuyên (Loại 070 - Khoản 092): 1.870 triệu đồng (Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 20 triệu đồng);

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ: 2.650 triệu đồng.

2. Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103): 2.710 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội

3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 14.540 triệu đồng, đã phân bổ cho các đơn vị:

3.1. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 6.300 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí của Bảo tàng PNVN (Loại 160-Khoản 161): 5.500 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 800 triệu đồng.

3.2. Nhà xuất bản Phụ nữ: 900 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171): 300 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 600 triệu đồng.

3.3. Báo Phụ nữ Việt Nam: 4.900 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 2.900 triệu đồng;

- Kinh phí làm phim tài liệu về các nữ tù (Loại 160 - Khoản 161): 2.000 triệu đồng.

3.4. Văn phòng TW Hội: 2.440 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 1.200 triệu đồng;

- Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171): 1.240 triệu đồng.

4. Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278): 2.300 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam.

5. Sự nghiệp kinh tế: Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338): 450 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam.

6. Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 361): 59.600 triệu đồng; đã phân bổ cho các đơn vị:

6.1. Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 51.450 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 36.190 triệu đồng;

- Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: 15.260 triệu đồng.

6.2. Ban Công tác phía Nam: 2.500 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 2.100 triệu đồng;

- Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: 400 triệu đồng.

6.3. Học viện Phụ nữ Việt Nam: 400 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.4. Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 300 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.5. Báo Phụ nữ Việt Nam: 3.450 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.6. Nhà xuất bản Phụ nữ: 200 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.7. Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 700 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.8. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 600 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ).

7. Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398): 2.350 triệu đồng, đã phân bổ cho các đơn vị:

- Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 350 triệu đồng (Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030)

- Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 2.000 triệu đồng (Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh).